

Bản án số: 231/2024/DS-PT
Ngày: 23-5-2024.
V/v Tranh chấp yêu cầu hủy hợp
đồng tặng cho

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Đồng;

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Hồng Vân; ông Nguyễn Quốc Tuấn.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Quỳnh Anh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bé Thi, Kiểm sát viên.

Vào ngày 23 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2024/TLPT-DS ngày 17 tháng 01 năm 2024, về việc “Tranh chấp yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 154/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023, của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 185/2024/QĐ-PT ngày 10 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Lê Thành B, sinh năm 1940, cư trú tại: Ấp X, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh. (có mặt tại phiên tòa)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Thành B: Ông Lê Thanh Đ là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T. (có mặt)

- **Bị đơn:** Chị Lê Thị Thanh H, sinh năm 1981, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp X, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh, nơi cư trú: Số A, khu phố A, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt, có ủy quyền)

Người đại diện theo ủy quyền của chị Lê Thị Thanh H: Chị Đỗ Thị Diệu L, sinh năm 1995, cư trú tại: A15-01B B, F Á, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Lê Thị Thanh H: Luật sư Nguyễn Văn P, của Công ty L2 và Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. (có mặt)

- **Người kháng cáo:**

- + Ông Lê Thành B là nguyên đơn.
- + Chị Lê Thị Thanh H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Thành B và người đại diện theo ủy quyền của ông B trong giai đoạn xét xử sơ thẩm là ông Đặng Tấn L1 trình bày:

Ông Lê Thành B có 18.725 m² đất tại ấp X, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh và 13.000 m² đất tại phường G, thị xã T.

Ông B sống một mình, làm nghề nuôi cá, có trại nuôi cá tại ấp X, xã H, có người con gái tên Lê Thị Thanh H, đang sống ở Thành phố Hồ Chí Minh. Do tuổi cao, sức khỏe ngày càng giảm sút, chị H thì không có việc làm nên vào tháng 4 năm 2012 ông B gọi chị H về sống chung cùng nuôi cá với ông B, chị H đưa chồng về sống cùng. Ông B giao trại cá ở ấp X cho vợ chồng chị H quản lý, ông B thường xuyên ở phường G, khi có việc cần mới về trại cá ở ấp X.

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, cần vay vốn ngân hàng, do ông B tuổi đã cao, ngân hàng không cho thế chấp tài sản nên chị H yêu cầu ông B sang tên đất cho chị H thế chấp để cùng làm ăn và chị H sẽ nuôi dưỡng ông B suốt đời, ông B đồng ý nên vào ngày 29-6-2016 làm hợp đồng tặng cho chị H 18.725 m² đất tại ấp X.

Vì nguồn nước ở phường G không đạt yêu cầu sản xuất cá bột nên vào tháng 3 năm 2017 ông B chuyển nhượng 13.000 m² đất ở phường G được 3.000.000.000 đồng, ông B giao hết số tiền này cho chị H để trả nợ, xây dựng cơ sở vật chất để ở và tiếp tục đầu tư vào trại cá tại ấp X, vì cha con đang thuận thảo với nhau nên khi đưa tiền không ghi giấy tờ.

Sau khi được sang tên đất, chị H thể hiện thái độ xem thường ông B, tự ý bán cá giống, bỏ trại cá, về Thành phố Hồ Chí Minh sống, bỏ ông B tự lo, tự sống, không phụng dưỡng ông B như lời hứa ban đầu; chị H có hỗ trợ tiền hàng tháng nhưng không đủ sống, mua thức ăn về bỏ ôi hư, ẩm mốc không dùng được. Chị H cung cấp chứng cứ là file ghi hình chị H mang thức ăn đến cho ông B là diễn ra trong thời gian trước, khoảng thời gian sau này chị H không về nữa, ông B đã 82 tuổi, bệnh đau thường xuyên nhưng phải tự mình sinh sống, nằm viện không có người chăm sóc.

Vì vậy, ông B khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông B và chị H vì chị H không thực hiện các điều kiện đã hứa, cụ thể là:

Không phụng dưỡng, chăm sóc ông B, hiện ông B bệnh tật không ai nuôi dưỡng, không có tiền nộp viện phí, không có tiền trang trải cho cuộc sống trong khi ông không còn tài sản nào khác, không có thu nhập, phải nhờ hàng xóm cuu mang.

Chị H đã tự bán, phá bỏ trại nuôi cá của ông B, không duy trì trại cá như đã hứa với ông B.

Đất đai bỏ hoang hóa, tài sản hư hỏng xuống cấp trầm trọng.

Trên đất có ngôi nhà chị H xây, hiện ông B đang ở, tiền xây nhà là lấy từ thu nhập trại cá, không phải tiền của cá nhân chị H.

- Bị đơn chị Lê Thị Thanh H do chị Đỗ Thị Diệu L đại diện theo ủy quyền trình bày:

Hợp đồng tặng cho giữa ông Lê Thành B và chị Lê Thị Thanh H ký kết tại Phòng C, tỉnh Tây Ninh vào ngày 29-4-2016 là hợp đồng tặng cho vô điều kiện, là sự tự nguyện của ông B, hợp đồng được ký kết, công chứng đúng quy định pháp luật, không có bất kỳ văn bản, tài liệu nào khác thỏa thuận điều kiện của giao dịch tặng cho giữa ông B và chị H, điều kiện tặng cho là do ông B tự bịa đặt.

Về vấn đề phụng dưỡng thì từ trước và sau khi được tặng cho đất chị H đều phụng dưỡng, chăm lo cho ông B từ đồ ăn, quần áo đến sinh hoạt, chi phí, viện phí, chăm bệnh, chu cấp nuôi dưỡng ...

Căn nhà hiện tại trên đất mà ông B đang ở là do chị H xây dựng cho ông B ở, xây vào khoảng năm 2017, tức là sau thời điểm được tặng cho đất, chi phí xây nhà lấy từ tiền lương của chị H.

Toàn bộ thức ăn, đồ dùng sinh hoạt của ông B đều do chị H hàng tuần, hàng tháng mua về nấu nướng, chăm lo cúng kiếng bàn thờ tổ tiên. Tiền sinh hoạt hàng tháng, tiền nước, tiền cước phí điện thoại của ông B đều do chị H chu cấp, tiền viện phí chị H lo, ông B nợ nhiều người chị H lo tiền trả, xe máy hiện tại ông B sử dụng cũng là vợ chồng bà H mua cho. Tất cả đều có quay video lưu lại và đã cung cấp cho Tòa án.

Việc chăm sóc, phụng dưỡng ông B là xuất phát từ tình cảm phụ tử, nghĩa cử con cái đối với cha mẹ, không phải là điều kiện tặng cho đất.

Ngoài ra, ông B cho rằng đã bán đất đưa cho chị H 3.000.000.000 đồng, làm ăn thiếu vốn nên sang tên đất cho chị H vay vốn ngân hàng... đều là bịa đặt.

Chị H không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B.

Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết vụ án do đã hết thời hiệu khởi kiện.

- Bản án dân sự sơ thẩm số: 154/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thành B đối với chị Lê Thị Thanh H. Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 29-4-2016, số công chứng 157 ngày 29-4-2016, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD tại Phòng C tỉnh Tây Ninh, giữa ông Lê Thành B đối với chị Lê Thị Thanh H.

Ông Lê Thành B được tiếp tục sử dụng diện tích đất 1.996,1 m² thuộc các thửa 355, 356, 368, 369, 370, 388, 389, 390, 402, 426, 427, 434, 454 tờ bản đồ số 29, (theo bản đồ cũ thuộc các thửa 3453, 3454, 3455, 3456, 3457, 3458, 3470, 3471, 3472, 3473, 3474, 3475, 3476, 3477, 3478, 3479, 3480, 3399, 3400,

3450, 3451, 3452 tờ bản đồ số 03) tại ấp X, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02519 và số CS02520 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cùng ngày 26-5-2016, chị Lê Thị Thanh H đứng tên. Ông Lê Thành B được quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện G, Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh T thu hồi, điều chỉnh các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02519 và số CS02520 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho chị Lê Thị Thanh H, để cấp lại cho ông Lê Thành B đứng tên theo quyết định của Bản án này.

Buộc ông Lê Thành B có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị Thanh H số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng, giá trị ngôi nhà trên đất.

Về án phí sơ thẩm: Ông Lê Thành B được miễn; chị Lê Thị Thanh H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

- Vào ngày 11-10-2023, ông Lê Thành B kháng cáo không chấp nhận thanh toán cho chị H 200.000.000 đồng tiền giá trị ngôi nhà trên đất.

- Vào ngày 05-10-2023, chị Lê Thị Thanh H kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông B.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị Đỗ Thị Diệu L là người đại diện theo ủy quyền của chị Lê Thị Thanh H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của chị H.

Ông Lê Thành B hủy việc ủy quyền cho ông Đặng Tấn L1 và rút yêu cầu kháng cáo.

+ *Ý kiến của Trợ giúp viên pháp lý Lê Thanh Đ bảo vệ quyền lợi hợp pháp của ông Lê Thành B:*

Ông B tặng cho chị H đất là do tuổi cao sức yếu muốn sống nương tựa vào chị H, sang tên đất cho chị H tiện việc vay vốn duy trì trại nuôi cá ông đã gây dựng từ trước nhưng chị H đã không thực hiện, bỏ về Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống không nuôi dưỡng ông B; bán hết cá giống, bỏ trại cá. Đất là tài sản duy nhất của ông B, chị H đã vi phạm điều kiện tặng cho.

Vì vậy, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của chị H và do ông B rút kháng cáo phần thanh toán giá trị ngôi nhà nên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Ý kiến của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của chị H; đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông B do ông B đã rút kháng cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Đơn kháng cáo của ông Lê Thành B và của chị Lê Thị Thanh H còn trong thời hạn và đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại các Điều: 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm ông Lê Thành B rút yêu cầu kháng cáo, chấp nhận thanh toán cho chị H 200.000.000 đồng giá trị ngôi nhà trên đất ông B đang ở. Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông B.

[3] Xét kháng cáo của chị Lê Thị Thanh H, thấy rằng:

Ông Lê Thành B có đất, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, đất không bị tranh chấp, không thế chấp nên có đủ điều kiện thực hiện quyền tặng cho theo quy định tại khoản 1 Điều 167 của Luật Đất đai; Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Lê Thành B và chị Lê Thị Thanh H lập vào ngày 29-4-2016 đã được công chứng đúng theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 167 của Luật Đất đai và các quy định pháp luật về công chứng, chứng thực. Chị H đã làm thủ tục sang tên và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02519 và số CS02520 cùng ngày 26-5-2016, về trình tự, thủ tục cấp giấy là đúng theo quy định pháp luật.

Trong hợp đồng không ghi điều kiện gì và cũng không có giấy tờ gì khác thỏa thuận về điều kiện tặng cho.

Ông Lê Thành B cho rằng tuy không ghi trong hợp đồng tặng cho nhưng thực tế là tặng cho có điều kiện, cụ thể là vì chị H yêu cầu ông B làm thủ tục tặng cho để chị H đứng tên đất, thế chấp vay tiền ngân hàng để duy trì, phát triển trang trại nuôi cá của ông B tại ấp X, xã H, huyện G vì trước đây ông B cùng chị H nuôi cá, ông B lớn tuổi nếu đứng tên rất khó khăn trong việc đi vay tiền và thế chấp; lý do thứ hai là để chị H nuôi dưỡng ông B. Xét lời khai của ông B phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cụ thể như sau:

Theo lịch sử đăng ký thế chấp và xóa đăng ký thế chấp đối với phần đất trong hợp đồng tặng cho thể hiện, từ năm 2008 đến khi ký hợp đồng tặng cho là ngày 29-4-2016 thì 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông B liên tục đăng ký thế chấp và xóa đăng ký thế chấp, trùng với thời gian chị H bắt đầu về sống chung với ông B là vào khoảng năm 2008, và chấm dứt khi chị H đứng tên đất. Mục đích vay là để dùng vào trang trại nuôi cá vì ngoài nuôi cá ra ông B không làm nghề gì khác.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của chị H cung cấp 01 hợp đồng vay vốn Ngân hàng vào năm 2015 và biên lai trả tất nợ vào ngày 29-4-2016 nhưng là bản pho tô, không có họ tên người trả tiền, chỉ thể hiện người vay là

chị H, việc chị H thế chấp đất để vay tiền phù hợp với lời khai của ông B là sang tên cho chị H thế chấp vay ngân hàng.

Từ khi sang tên đất vào năm 2016 chị H không thực hiện theo nguyện vọng của ông B. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của chị H cũng đã thừa nhận chị H không sống cùng ông B từ năm 2016 cho đến nay, trại cá không duy trì được phải bỏ từ năm 2017. Chính chị H cũng thừa nhận đã có cam kết duy trì trại cá cho ông B nhưng không thực hiện.

Năm 2020 ông B đã khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho, đến năm 2022 ông B rút đơn kiện để thỏa thuận với chị H nhưng sau đó không thỏa thuận được nên vào tháng 11 năm 2022 ông B khởi kiện lại vụ án.

Ông B khai tặng cho đất với điều kiện chị H phải nuôi dưỡng ông B đến hết đời là có căn cứ, bởi vì: Ông B đã hơn 80 tuổi, không người sống cùng, không người nuôi dưỡng; phần đất này là tài sản duy nhất của ông B; từ năm 2008 đến nay người duy nhất sống với ông B là chị H; chị H cho rằng việc nuôi dưỡng ông B là tự nguyện do hiếu thảo làm tròn trách nhiệm của người con nhưng lại ghi âm, ghi hình những lần mang thức ăn đến nhà ông B; chị H cho rằng vẫn làm tròn nghĩa vụ nuôi dưỡng ông B nhưng từ khi đứng tên đất đến nay chị H về Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống.

Mặt khác, ông B vẫn ở trên đất từ trước đến nay; ngôi nhà trên đất do chị H xây dựng và chính chị H thừa nhận là xây cho ông B.

Việc tặng cho đất giữa ông B và chị H là giao dịch dân sự có điều kiện theo quy định tại Điều 120 của Bộ luật Dân sự, do chị H không tuân thủ điều kiện nên ông B được yêu cầu hủy bỏ việc tặng cho theo quy định tại Điều 423 của Bộ luật Dân sự và theo hướng dẫn của Á lệ số 14/2017/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua và được công bố theo Quyết định số 229/QĐ-CA ngày 28-12-2017, của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; hai bên phải giao trả cho nhau những gì đã nhận theo quy định tại Điều 427 của Bộ luật Dân sự.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B, hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông B và chị H là có căn cứ.

Chị H kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ gì mới.

[4] Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị H đề nghị chấp nhận kháng cáo của chị H là không có căn cứ.

[5] Đề nghị của Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông B là có căn cứ.

[6] Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa đề nghị không chấp nhận kháng cáo của chị H, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông B, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[7] Về chi phí thẩm định: Do sử dụng kết quả thẩm định trong vụ án trước nên không phát sinh chi phí trong vụ án này.

[8] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được Tòa án chấp nhận nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị H phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 289, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều: 120, 121, 423, 427 của Bộ luật Dân sự; Điều 203 của Luật Đất đai; Án lệ số 14/2017/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua và được công bố theo Quyết định số 229/QĐ-CA ngày 28-12-2017, của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; các Điều: 12, 27, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Lê Thành B.

2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Lê Thị Thanh H.

3. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 154/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023, của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thành B đối với chị Lê Thị Thanh H.

- Hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Lê Thành B và chị Lê Thị Thanh H, có công chứng tại Phòng công chứng Số B tỉnh Tây Ninh, số công chứng 157, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 29-4-2016.

- Ông Lê Thành B được quyền sử dụng đất diện tích 1.996,1 m² thuộc các thửa 355, 356, 368, 369, 370, 388, 389, 390, 402, 426, 427, 434, 454 tờ bản đồ số 29, (theo bản đồ cũ thuộc các thửa 3453, 3454, 3455, 3456, 3457, 3458, 3470, 3471, 3472, 3473, 3474, 3475, 3476, 3477, 3478, 3479, 3480, 3399, 3400, 3450, 3451, 3452 tờ bản đồ số 03), tọa lạc tại: Ấp X, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02519 và số CS02520 cùng ngày 26-5-2016, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp, chị Lê Thị Thanh H đứng tên.

- Ông Lê Thành B được quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên đất. Đất và tài sản trên đất ông B đang quản lý.

- Kiến nghị Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi, điều chỉnh các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02519 và số CS02520 từ chị H đứng tên thành ông Lê Thành B đứng tên theo quyết định của bản án. Bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chị H đang giữ.

- Buộc ông Lê Thành B phải thanh toán cho chị Lê Thị Thanh H giá trị ngôi nhà trên đất, với số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông B chưa giao đủ số tiền như đã nêu trên thì hàng tháng ông B còn phải trả cho chị H tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về án phí sơ thẩm:

Ông Lê Thành B được miễn.

Chị Lê Thị Thanh H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

4. Về án phí phúc thẩm:

Ông Lê Thành B được miễn.

Chị Lê Thị Thanh H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0025832 ngày 05-10-2023, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu ;
- Phòng KTNV&THA. TATTN;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Đồng

